

MUA [+57%]

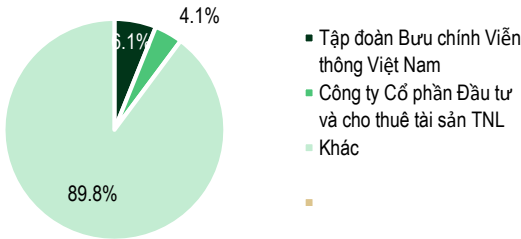
Giá hợp lý 29,500 VND
 Giá hiện tại 18,950 VND

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

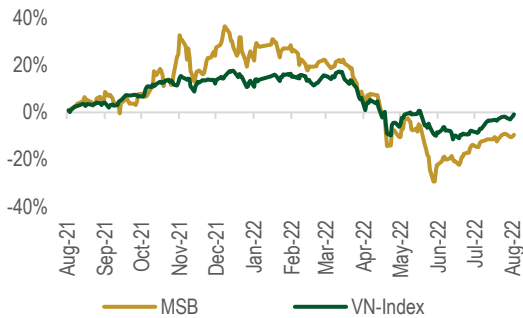
CP đang lưu hành (triệu) 1,527.5
 Free float (triệu) 1,298.4
 Vốn hóa (tỷ VND) 29,175.3
 KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu) 3,010,768
 Sở hữu nước ngoài (%) 30%
 Ngày niêm yết đầu tiên 23/12/2020

Ngày cập nhật: 29/08/2022

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI INDEX



LỊCH SỬ ĐỊNH GIÁ



Chiến lược phát triển ngân hàng số và hợp đồng bancassurance 15 năm với Prudential - bộ phóng tăng trưởng của MSB

Cập nhật KQKD H1 2022: Kết thúc H1 2022, tín dụng của MSB tăng trưởng 8.5% YTD, nhưng giảm nhẹ 70 bps so với cuối Q1/2022 do Ngân hàng Nhà Nước chưa nói room trong Q2 2022. Thu nhập lãi thuần tăng trưởng 39% YoY lên 4,024 tỷ đồng. Thu nhập ngoài lãi của ngân hàng giảm mạnh 52.7% YoY còn 1,166 tỷ đồng do so sánh từ nền cao năm ngoái nhờ doanh thu một lần từ thành công gia hạn hợp đồng bancassurance trong năm 2021. Lợi nhuận sau thuế của MSB trong H1 2022 tăng trưởng chậm lại với mức tăng 7% YoY (so với mức tăng 220% YoY vào H1 2021) và đạt 2,641 tỷ đồng.

Kết thúc H1 2022, NIM của MSB cải thiện 64 bps so với cuối năm 2021 lên 4.32%, thuộc top 7 ngân hàng có NIM cao nhất toàn ngành.

Điểm nhấn đầu tư:

Top 25% ngân hàng có tăng trưởng tín dụng nhanh nhất ngành. Bất chấp giãn cách xã hội, tăng trưởng tín dụng của MSB năm 2021 đạt 23.1%, thuộc top 25% ngân hàng có tăng trưởng tín dụng mạnh nhất. Chiến lược mạng lưới phân phối đa kênh, hoàn thiện kênh đối tác, và các kênh bán trực tiếp là lực lượng nòng cốt để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Hơn nữa, chiến lược phát triển hệ sinh thái số, kênh số và chiến lược chuỗi cũng sẽ tạo động lực tăng trưởng tín dụng cho MSB trong tương lai. Trong năm 2022, ngân hàng tiếp tục hai dự án chiến lược gồm thay mới Core-banking và xây dựng nhà máy số.

Hoạt động bán chéo bảo hiểm là động lực tăng trưởng thu nhập phí. Vào ngày 3/3/2021, MSB đã hoàn thành việc gia hạn hợp đồng bancassurance độc quyền với Prudential trong vòng 15 năm. Dự kiến, hoạt động này sẽ tạo ra nguồn thu ngoài lãi tăng trưởng đều 30% qua các năm cho MSB, chưa tính phí trả trước.

Định giá & khuyến nghị: Đến gần cuối tháng 8/2022, NHNN chưa có động thái nói room tín dụng. Do đó, chúng tôi điều chỉnh giảm tăng trưởng tín dụng năm 2022 của MSB còn 20%. Chúng tôi cho rằng xu hướng tăng lãi suất sẽ diễn ra nhanh chóng hơn vào H2 2022. Qua đó, duy trì ước tính NIM của MSB sẽ đạt 3.68%, không đổi so với năm 2021.

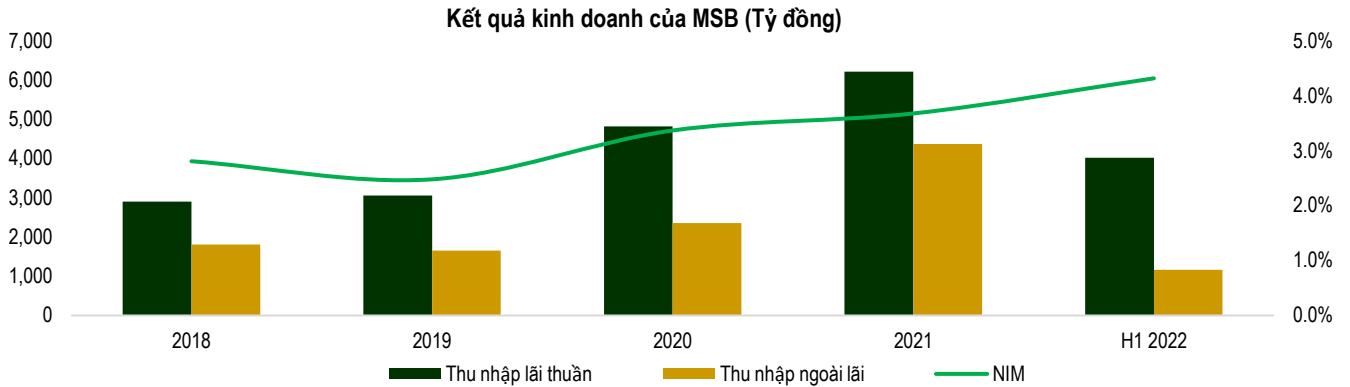
Do tăng trưởng tín dụng của MSB được kỳ sẽ chậm lại trong năm 2022, sử dụng phương pháp định giá chiết khấu thu nhập thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi điều chỉnh giảm giá trị hợp lý đối với mỗi cổ phiếu MSB còn 29,500VNĐ/CP. Dù vậy, nhờ các yếu tố nội tại của ngân hàng và sự cải thiện chất lượng tài sản, chúng tôi đưa ra khuyến nghị: Mua cho cổ phiếu MSB.

Rủi ro: (1) Rủi ro nợ xấu; (2) Rủi ro cạnh tranh; (3) Rủi ro lãi suất.

Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021A	2022F
Thu nhập lãi thuần	1,602	2,902	3,062	4,822	6,216	7,379
Lợi nhuận sau thuế	122	868	1,044	2,011	4,035	4,321
EPS (VND)	104	739	889	1,711	2,642	2,829
Tăng trưởng EPS (%)	-13%	611%	20%	92%	101%	7%
Giá trị sổ sách (VND)	11,678	11,762	12,650	14,362	14,427	17,256
P/E	N/A	N/A	N/A	10.7	9.2	10.4
P/B	N/A	N/A	N/A	1.3	1.7	1.7
Cổ tức tiền mặt	0%	0%	0%	0%	0%	0%

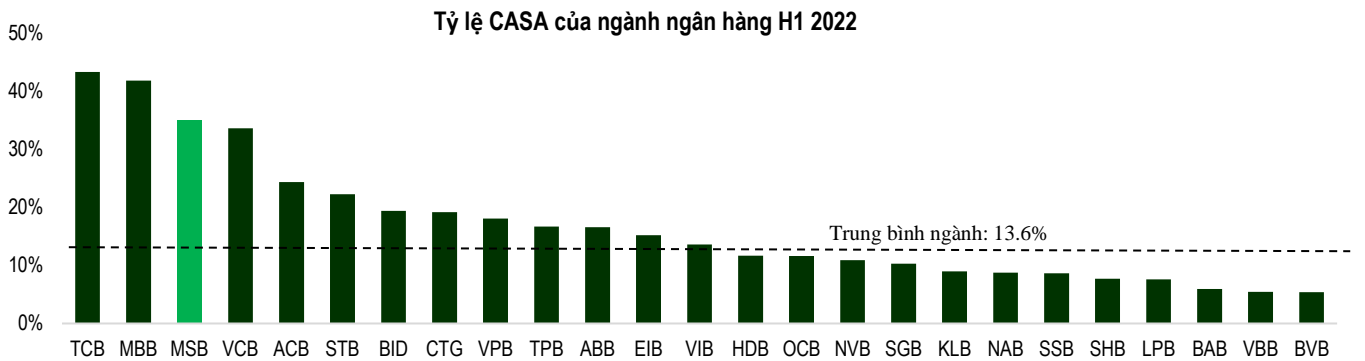
Kết quả kinh doanh H1 2022

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2022, MSB ghi nhận thu nhập lãi thuần tăng trưởng 39% YoY lên 4,024 tỷ đồng. Thu nhập ngoài lãi của ngân hàng giảm mạnh 52.7% YoY còn 1,166 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của MSB trong H1 2022 tăng trưởng chậm lại với mức tăng 7% YoY (so với mức tăng 220% YoY vào H1 2021) và đạt 2,641 tỷ đồng.

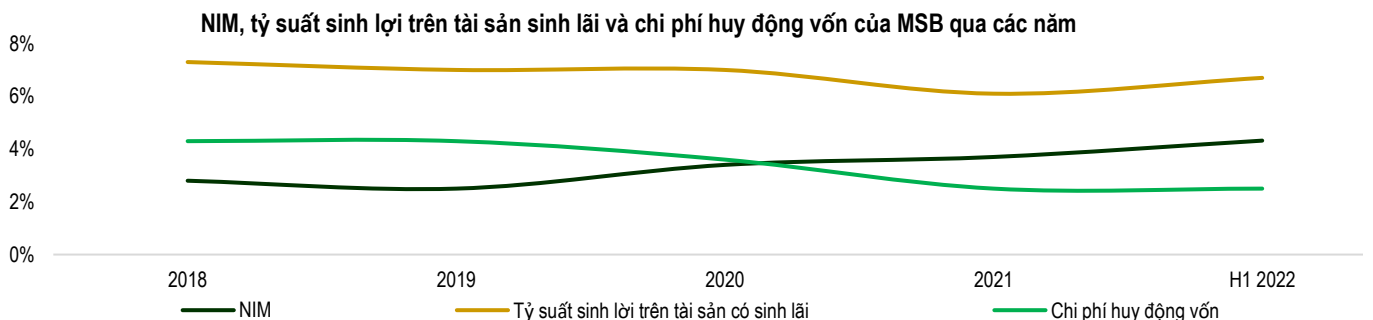


Kết thúc H1 2022, NIM của MSB cải thiện 64 bps so với cuối năm 2021 lên 4.32%, thuộc top 7 ngân hàng có NIM cao nhất toàn ngành. NIM của MSB mở rộng nhờ:

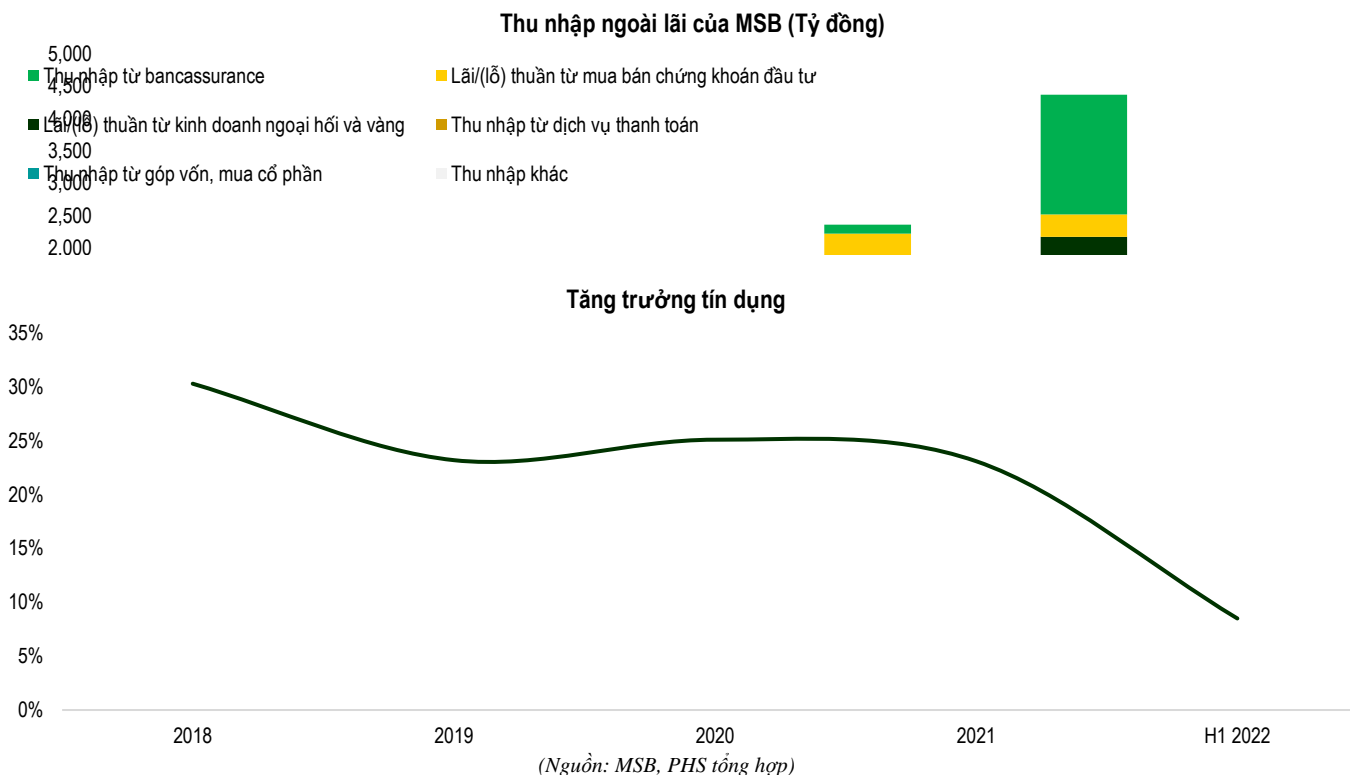
- Hệ số CASA tăng từ 34% vào cuối năm 2021 lên 35.2% vào cuối H1 2022, thuộc top 25% ngân hàng có tỷ lệ CASA cao nhất ngành. Nhưng đã cải thiện hệ số CASA đang chững lại khi CASA giảm 150 bps so với quý trước, phù hợp với xu hướng thu hẹp tỷ lệ CASA của ngành ngân hàng trong H1 2022 khi lãi suất tiết kiệm thấp và các kênh đầu tư khác bị hạn chế.
- Lãi suất cho vay trung bình tăng 23 bps so với cuối năm 2021 lên 8.62%



vào H1 2022 nhờ sự tăng trưởng mạnh của mảng cho vay bán lẻ.



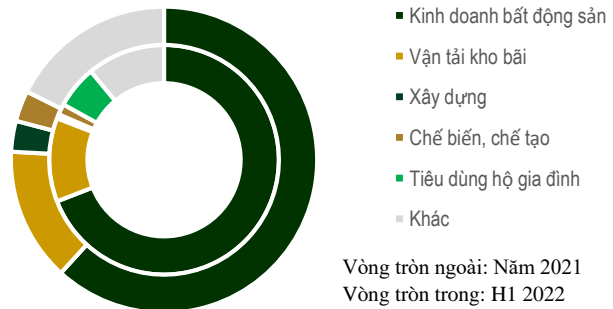
Sự tăng trưởng mạnh mẽ ở mảng dịch vụ thanh toán, hoạt động kinh doanh ngoại hối và mua bán chứng khoán đầu tư đã giảm nhẹ tác động sự biến động doanh thu bancassurance trong H1 2022 do năm 2021, MSB ghi nhận phí upfront lớn nhờ thành công gia hạn hợp đồng bancassurance với Prudential. Kết thúc H1 2022, thu nhập ngoài lãi giảm mạnh 52.7% YoY do nền so sánh năm ngoái cao nhờ doanh thu 1 lần từ phí bảo hiểm. Doanh thu bancassurance giảm mạnh 94.8% YoY còn 89 tỷ đồng. Trong khi đó, nhờ bán đi 3,100 tỷ đồng trái phiếu chính phủ, MSB thu về 661 tỷ đồng Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư, qua đó đóng góp tích cực - 57% vào Thu nhập ngoài lãi. Hơn nữa, thu nhập từ dịch vụ thanh toán tăng 38.5% YoY lên 277 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 24% thu nhập ngoài lãi, trong khi đó, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối tăng trưởng vượt bậc 180% YoY lên 561 tỷ đồng.



Kết thúc 6 tháng đầu năm 2022, tín dụng của MSB tăng trưởng 8.5% YTD, nhưng giảm nhẹ 70 bps so với cuối Q1/2022 do Ngân hàng Nhà Nước chưa nói room trong Q2 2022, thuộc top 75% ngân hàng có tăng trưởng tín dụng cao nhất. Tăng trưởng tín dụng trong H1 2022 tập trung vào cho vay mua nhà (tăng 30.6% YTD, chiếm 13.6% dư nợ cho vay), ngành hàng tiêu dùng (tăng 20.8% YTD, chiếm 8.9% dư nợ); vật liệu xây dựng (tăng 127.6% YTD, chiếm 4.2% dư nợ); viễn thông (tăng 74.5% YTD, chiếm 2.4% dư nợ); giáo dục y tế (tăng 100% YTD, chiếm 2% dư nợ).

Tỷ lệ nợ xấu của MSB đạt 1.1% vào cuối H1 2022. Hơn nữa, nợ cần chú ý của MSB giảm 20.8% so với cuối năm 2021 còn 920 tỷ đồng, chiếm 0.8% dư nợ Cho vay khách hàng. MSB cho biết, số dư nợ tái cơ cấu của ngân hàng vào cuối H1 2022 giảm 21.9% so với cuối năm 2021 còn 2,372 tỷ đồng, tương ứng 2.34% số dư Cho vay khách hàng. Trong đó, kinh doanh bất động sản và vận tải kho bãi chiếm tỷ trọng lớn nhất (lần lượt là 69.1% và 11.8%) số dư nợ tái cơ cấu.

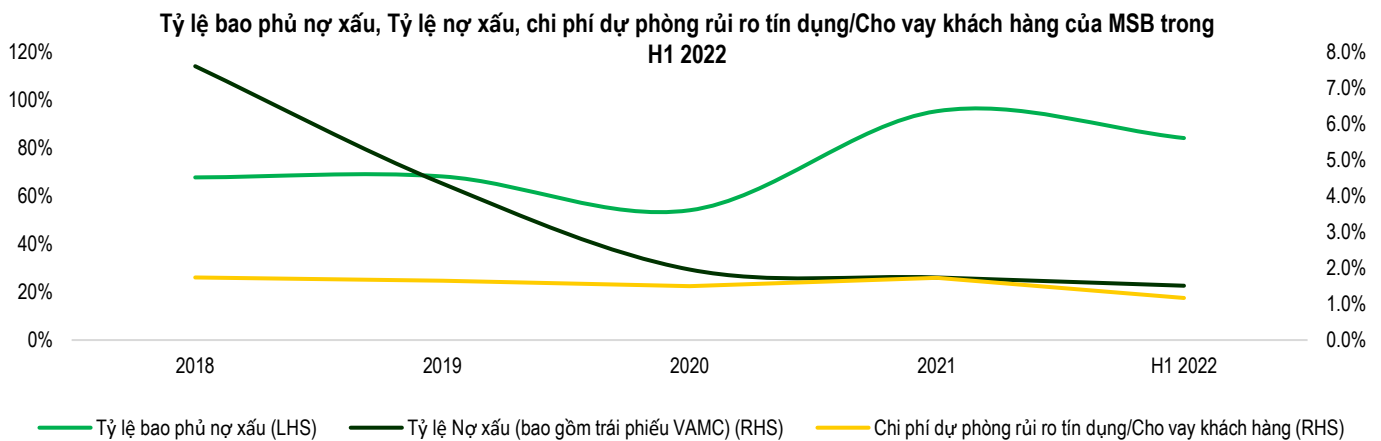
Nợ tái cơ cấu của MSB vào cuối H1 202



(Nguồn: MSB, PHS tổng hợp)

Kết thúc H1 2022, tỷ lệ bao phủ nợ xấu của MSB đạt 84.2%, giảm mạnh so với mức 95.4% vào cuối năm 2021, thuộc top 50% ngân hàng có tỷ lệ bao phủ nợ xấu thấp nhất ngành, thấp hơn mức trung bình ngành là 93%.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm 87% YoY còn 56 tỷ đồng. Tỷ lệ chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Cho vay khách hàng đạt 1.17%, bằng mức trung bình ngành vào cuối H1 2022.



(Nguồn: MSB, PHS tổng hợp)

Dự phóng kết quả kinh doanh 2022

Dvt : tỷ đồng	2018	2019	2020	2021	2022E
Thu nhập lãi thuần	2,902	3,062	4,822	6,216	7,379
% YoY	81.1%	5.5%	57.5%	28.9%	18.7%
Thu nhập ngoài lãi	1,814	1,652	2,361	4,373	4,394
% YoY	10.3%	-8.9%	42.9%	85.2%	0%
Lợi nhuận sau thuế	868	1,044	2,011	4,035	4,321
% YoY	611.5%	20.3%	92.6%	100.6%	7.1%
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập HĐ	61.5%	64.9%	67.1%	58.7%	62.7%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập HĐ	62.0%	53.1%	49.9%	37.1%	36.6%
Tỷ lệ trích Dự phòng/ Tổng thu nhập HĐ	15.7%	19.6%	14.9%	14.8%	17.6%

Áp lực lạm phát đã khiến nhiều ngân hàng trung ương trên thế giới. Việc tăng lãi suất của FED đã làm VND mất giá 2.25% so với USD tính đến ngày 25/08/2022. Để kiểm soát lạm phát và ổn định tỷ giá, NHNN sẽ điều hành lượng tín dụng đưa ra nền kinh tế phù hợp với mục tiêu, chính sách lãi suất, và các quan hệ vĩ mô khác. Kết thúc H1 2022, tín dụng của MSB tăng trưởng tăng trưởng 8.5% YTD. Đến gần cuối tháng 8/2022, NHNN chưa có động thái nói room tín dụng. Do đó, chúng tôi điều chỉnh giảm tăng trưởng tín dụng năm 2022 của MSB còn 20%.

Kết thúc H1 2022, NIM của MSB đã cải thiện 64 bps so với cuối năm 2021. Dù vậy, chúng tôi cho rằng xu hướng tăng lãi suất sẽ diễn ra nhanh chóng hơn vào H2 2022. Qua đó, duy trì ước tính NIM của MSB sẽ đạt 3.68%, không đổi so với năm 2021.

Ngân hàng Nhà Nước ban hành Thông tư 14/2021/TT-NHNN (Thông tư 14) sửa đổi Thông tư 01/2020/TT-NHNN (Thông tư 01) và Thông tư 03/2021/TT-NHNN cho phép kéo dài thời gian cơ cấu nợ đến ngày 30/06/2022. Qua đó, chúng tôi duy trì ước tính tỷ lệ nợ xấu của MSB đạt 1.84% vào năm 2022.

Hơn nữa, Thông tư 14 không điều chỉnh tiến độ trích lập dự phòng, tức là các ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện trích bổ sung phần chênh lệch theo tiến độ đã quy định tại Thông tư 01, tối thiểu là 30%, 60% và 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung trong các năm 2021, 2022, 2023. Trong 6 tháng đầu năm 2022, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của MSB đạt 55.6 tỷ đồng (-87% YoY), do ngân hàng đã tăng trích lập cho nợ tái cơ cấu trong năm 2021. Do đó, chúng tôi điều chỉnh giảm chi phí trích lập dự phòng năm 2022 còn 2,067 tỷ đồng (+31.8% YoY).

Định giá và khuyến nghị

Do tăng trưởng tín dụng của MSB được kỳ sẽ chậm lại trong năm 2022, trong bối cảnh NHNN thực hiện các chính sách để ổn định tỷ giá, sử dụng phương pháp định giá chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi điều chỉnh giảm mức giá hợp lý đối với MSB còn 29,500 VNĐ/CP, tương ứng mức P/E và P/B forward 2022 lần lượt là 10.4x và 1.7x. Dù vậy, được hỗ trợ bởi các động lực tăng trưởng nội tại và sự cải thiện chất lượng tài sản, với upside so với giá hiện tại là 57%, chúng tôi đưa ra khuyến nghị: Mua cho cổ phiếu MSB.

Định giá theo thu nhập thặng dư

Các tiêu chí (Đvt : tỷ đồng)	2022E	2023E	2024E	2025E	2026E
Chi phí VCSH	13.3%	13.3%	13.3%	13.3%	13.3%
Chi phí VCSH dài hạn					13.3%
Tăng trưởng dài hạn sau 2026					3%
Lợi nhuận ròng	4,321	5,652	6,502	7,816	9,161
Thu nhập thặng dư	1,390	2,146	2,245	2,694	2,999
Giá trị hiện tại của Thu nhập thặng dư (5 năm)	1,223	1,674	1,549	1,643	1,619
Giá trị hiện tại của Giá trị cuối cùng					16,195
Tổng giá trị hiện tại của dòng thu nhập thặng dư	23,903				
Vốn chủ sở hữu	22,038				
Cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)	1,528				
Giá hợp lý	30,076				

Phương pháp P/B

Giá trị sổ sách/CP	17,256
P/B (3 năm) của VIB	1.58x
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	27,264

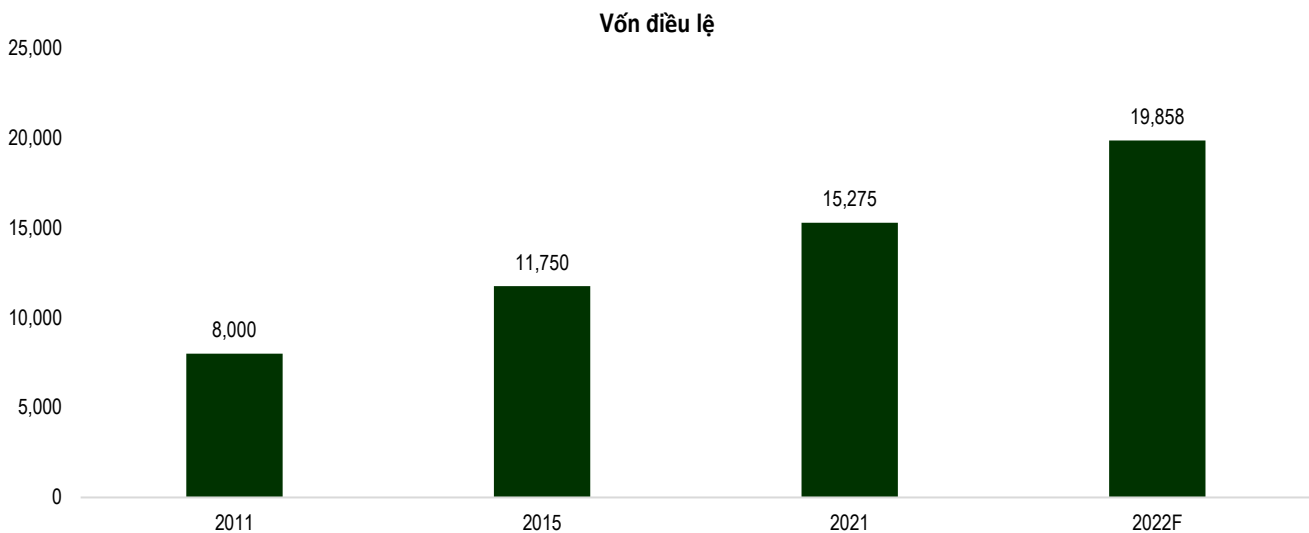
	Residual Income	P/B	Giá hợp lý
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	30,076	27,264	29,500 VNĐ/cp
Tỷ trọng	80%	20%	

Sơ lược công ty



Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) được thành lập năm 1991 tại Hải Phòng theo giấy phép hoạt động số.0001/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. Ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực huy động vốn, cấp tín dụng và các dịch vụ tài chính khác có liên quan. Tại Việt Nam, MSB là ngân hàng đầu tiên được cấp phép thanh toán quốc tế và áp dụng mạng LAN, WAN để rút ngắn thời gian chuyển tiền. Trải qua gần 30 năm xây dựng, với quy mô vốn điều lệ 15,275 tỷ đồng cùng đội ngũ gần 5,000 cán bộ nhân viên trình độ cao, MSB đã trở thành một trong những ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp toàn diện các giải pháp tài chính - ngân hàng cho hầu hết mọi đối tượng khách hàng trong nền kinh tế. MSB được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ tháng 12 năm 2020.

Quá trình tăng vốn (Tỷ VND)



(Nguồn: MSB, PHS tổng hợp)

Báo cáo tài chính

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Thu nhập lãi	7,511	8,595	10,020	10,339	12,580
Chi phí lãi	(4,609)	(5,533)	(5,197)	(4,122)	(5,201)
Thu nhập lãi thuần	2,902	3,062	4,822	6,216	7,379
Thu nhập ngoài lãi	1,814	1,652	2,361	4,373	4,394
Tổng thu nhập hoạt động	4,716	4,715	7,182	10,588	11,773
Chi phí hoạt động	(2,924)	(2,502)	(3,586)	(3,932)	(4,305)
Lợi nhuận thuần trước dự phòng	1,792	2,213	3,596	6,656	7,468
Chi phí dự phòng	(740)	(925)	(1,073)	(1,568)	(2,067)
Tổng lợi nhuận trước thuế	1,053	1,288	2,523	5,088	5,401
Chi phí thuế	(184)	(244)	(512)	(1,054)	(1,080)
Lợi nhuận sau thuế	868	1,044	2,011	4,035	4,321

Cân đối kế toán	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Tiền và tương đương tiền	2,338	2,495	2,205	1,524	1,844
Tiền gửi tại NHNN	2,406	4,071	1,851	3,057	3,688
Tiền gửi tại các TCTD	22,689	20,579	16,978	33,442	33,442
Đầu tư ngắn hạn	52	56	21	23	26
Cho vay Khách hàng	48,762	63,594	79,341	101,563	123,022
Dự phòng rủi ro cho vay	(994)	(886)	(843)	(1,687)	(1,318)
Chứng khoán đầu tư	40,696	45,636	55,677	48,226	57,595
Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	10	22	10	10
Tài sản cố định	163	161	128	134	142
Tài sản khác	21,453	21,084	21,138	17,196	17,265
Tổng cộng tài sản	137,769	156,978	176,698	203,665	235,905
Tổng nợ phải trả	123,949	142,114	159,823	181,628	209,546
Nợ Chính phủ & NHNN	9,708	24	21	1,017	1,230
Tiền vay của các TCTD	37,671	47,018	56,026	68,036	73,378
Tiền gửi của khách hàng	63,529	80,873	87,510	94,616	115,250
Giấy tờ có giá	8,415	8,973	11,711	13,043	14,985
Các khoản nợ khác	4,625	5,227	4,555	4,916	4,703
Vốn chủ sở hữu	13,820	14,864	16,875	22,038	26,359
Tổng nguồn vốn	137,769	156,978	176,698	203,665	235,905

Chỉ tiêu tăng trưởng	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Tăng trưởng tín dụng	34.7%	30.4%	24.8%	23.1%	20.0%
Tăng trưởng huy động tiền gửi	11.8%	27.3%	8.2%	8.1%	21.8%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	81.1%	5.5%	57.5%	28.9%	18.7%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi	10.3%	-8.9%	42.9%	85.2%	0.5%
Tăng trưởng thu nhập hoạt động	45.2%	0.0%	52.3%	47.4%	11.2%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	542.1%	22.3%	95.9%	101.7%	6.2%
Tăng trưởng tổng tài sản	22.7%	13.9%	12.6%	15.3%	15.8%
Tăng trưởng Tài sản Có sinh lãi (IEA)	22.5%	17.1%	15.1%	20.7%	17.2%
Tăng trưởng Nợ chịu lãi (IBL)	24.6%	14.7%	13.4%	13.8%	15.9%
Tăng trưởng Vốn điều lệ	-6.5%	0.0%	0.0%	41.9%	30.0%

Chỉ số tài chính	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Khả Năng Sinh Lãi					
Tỷ trọng thu nhập lãi thuần	61.5%	64.9%	67.1%	58.7%	62.7%
Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi	38.5%	35.1%	32.9%	41.3%	37.3%
Tỷ suất LN ròng	18.4%	22.1%	28.0%	38.1%	36.7%
ROAA	0.7%	0.7%	1.2%	2.1%	2.0%
ROAE	6.3%	7.3%	12.7%	20.7%	17.9%
Chỉ số riêng					
Tỷ lệ Chi Phí/ Thu nhập HĐ (CIR)	62.0%	53.1%	49.9%	37.1%	36.6%
Tỷ lệ cho vay/ Tiền gửi (LDR) (*)	49.4%	49.0%	54.2%	58.6%	61.0%
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM)	2.8%	2.5%	3.4%	3.7%	3.7%
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi cận biên (NNIM)	1.8%	1.3%	1.7%	2.6%	2.2%
Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	20.9%	19.7%	26.7%	34.0%	33.0%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	3.01%	2.04%	1.96%	1.74%	1.84%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Nợ xấu (LLR)	67.8%	68.2%	54.1%	95.4%	58.2%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Dư nợ cho vay KH	2.0%	1.4%	1.1%	1.7%	1.1%

(*) Tỷ lệ LDR được tính theo thông tư 36/2014/TT-NHNN

(Nguồn: PHS tổng hợp)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Nguyễn Thị Thảo Vy, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 8 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,

157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2,

Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, Trung Hòa

Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,

Số 127 Lò Đức, Phường Đồng Mác, Quận Hai

Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo,

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801